TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19-3-2019
V/v tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Sang

2. Bà Đoàn Hải Yến

- Thư ký phiên tòa:Bà Phạm Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dânhuyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Minh Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXX- ST ngày 25 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1995;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình;
Nơi ở hiện nay: Tổ x, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Đinh Văn T, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình;

(Chị T có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*/ Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/01/2018, bản tự khai và tài liệu, chứng cứ đã xuất trình và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Thu T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Văn T tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 02/6/2015 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Cuộc sống gia đình hòa thuận, hạnh phúc được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai không có sự hòa hợp, thông cảm với nhau nên càng sống chung, càng phát sinh nhiều bất đồng, thường xuyên xảy ra cãi vã, to tiếng với nhau. Do không thể chịu đựng được cuộc sống chung với anh T nên tháng 10/2015, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở tại thôn Q, xã V1 ở. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Từ đó đến nay gia đình anh T và anh T cũng không gặp gỡ, liên lạc gì với chị nữa. Nay chị T nhận thấy không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị xin được ly hôn với anh Đinh Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đinh Văn L, sinh ngày 08/4/2016 hiện đang ở với chị. Sau khi ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi con. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm lao động tự do, thu nhập bình quân khoảng 6 triệu đồng/tháng. Chị cũng có sự hỗ trợ, phụ giúp của mẹ đẻ trong việc chăm sóc, nuôi dạy con.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay ai tài sản gì nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

*/ Tại Văn bản trình bày ý kiến và xin vắng mặt đề ngày 31/01/2019 anh Đinh Văn T trình bày: Về điều kiện, thời gian kết hôn, quá trình chung sống đúng như chị T trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được ít tháng, sau đó do không hợp nhau nên đã ly thân nhiều năm nay. Chị T có đơn xin ly hôn anh đồng ý ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đinh Văn L, sinh ngày 08/4/2016 hiện đang ở với chị T. Ly hôn, anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/ 1 tháng. Về tài sản: Vợ chồng anh không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay ai tài sản gì.

*/ Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng là bà Phạm Thị S (là mẹ đẻ của chị T) thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T, anh T chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, va chạm nên khoảng cuối năm 2015 chị T về nhà bà ở, vợ chồng sống ly thân từ đó, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xin ly hôn anh T, gia đình bà cũng nhất trí vì thực tế vợ chồng đã chấm dứt quan hệ từ lâu, không còn tình cảm, cũng không hàn gắn được nữa.

*/Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn không có mặt để làm việc trực tiếp tại Tòa án nhưng đã có văn bản thể hiện quan điểm về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung và quan hệ tài sản. Tại phiên tòa, bị đơn là anh Đinh Văn T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt gửi cho Tòa án. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị xử cho chị T và anh T được ly hôn. Về con chung: Đề nghị giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000đồng/tháng kể từ tháng 4/2019 đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh T phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]Về thẩm quyền: Chị Trần Thị Thu T có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Đinh Văn T và đề nghị giải quyết việc nuôi con khi ly hôn nên xác định đây là tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; Anh T hiện đang cư trú tại xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Đinh Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3]Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Thu T và anh Đinh Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Do tính tình không hợp, bất đồng trong nhiều vấn đề trong cuộc sống nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vì thế mà rạn nứt. Vợ chồng đã ly thân nhau và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ năm 2015 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T có thật, đã trầm trọng, vợ chồng

không thể đoàn tụ cùng nhau được nữa nên cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh chị được ly hôn.

[4] Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị Thu T và anh Đinh Văn T có 01 con chung là Đinh Văn L, sinh ngày 08/4/2016, đến thời điểm xét xử sơ thẩm chưa đủ 36 tháng tuổi. Ly hôn, chị T và anh T đều thống nhất giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện chị T có việc làm và thu nhập, có sự giúp đỡ của mẹ đẻ trong việc chăm sóc con, có điều kiện đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung do vậy cần giao con cho chị T nuôi là phù hợp với quy định của pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 đồng/tháng.

[5] Về quan hệ tài sản: Vợ chồng anh T, chị T không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay ai tài sản gì không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xét.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Thu T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh Đinh Văn T phải nộp án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Thu T được ly hôn anh Đinh Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Đinh Văn L, sinh ngày 08/4/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đinh Văn T cấp dưỡng nuôi con Long cho chị T số tiền 1.500.000 đồng/ 01 tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng một tháng) kể từ tháng 4/2019 đến khi con L đủ 18 tuổi.

Anh Đinh Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị T, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản:Vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay ai tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị Trần Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; anh Đinh Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0003241 ngày 31/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thành án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Trần Thị Thu T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 19/3/2019.

Anh Đinh Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Uỷ ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương